

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 50/2025/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 20 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**QUY ĐỊNH BẢNG GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ ĐỐI VỚI NHÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (tại các Tờ trình: số 84/TTr-STC ngày 29 tháng 5 năm 2025 và số 102/TTr-STC ngày 17 tháng 6 năm 2025);

UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP; điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà xây dựng mới và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí trước bạ.
2. Cơ quan thuế.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng

Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thực hiện theo quy định tại Bảng đơn giá nhà và công trình xây dựng gắn liền trên đất được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh quy định bộ đơn giá nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Trường hợp Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ

- 1. Kê khai lệ phí trước bạ lần đầu đối với nhà có thời gian đã sử dụng dưới 5 năm: 100%.
- 2. Kê khai nộp lệ phí trước bạ lần đầu đối với nhà chịu lệ phí trước bạ có thời gian đã sử dụng từ 5 năm trở lên và Kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà có thời gian đã sử dụng tương ứng theo hướng dẫn như sau:

Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (%)
- Dưới 5 năm	97	98	97	95	85
- Từ 5 đến 10 năm	93	95	93	85	65
- Trên 10 năm đến 20 năm	80	85	80	70	35
- Trên 20 năm đến 50 năm	60	80	60	35	30
- Trên 50 năm đến 100 năm	50	55	50	30	20
- Trên 100 năm	30	35	30	20	-

3. Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì theo năm mua nhà hoặc nhận nhà.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

- 1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Xây dựng, Cơ quan thuế của địa phương và các đơn vị có liên quan tổng hợp các vướng mắc, đề xuất UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định.
- 2. Sở Xây dựng có ý kiến hướng dẫn chuyên môn về xây dựng khi được Cơ quan thuế của địa phương lấy ý kiến về xác định cấp nhà, hạng nhà để tính lệ phí trước bạ đối với nhà.

3. Cơ quan thuế của địa phương hướng dẫn kê khai, xác định và thu lệ phí trước bạ theo quy định của nhà nước và UBND tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phát sinh chưa có trong Bảng giá nhà theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND và các khó khăn vướng mắc khác, Chi cục Thuế khu vực XIII có trách nhiệm chủ trì, tổng hợp phát sinh, vướng mắc; phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan để đề xuất biện pháp giải quyết; gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 2025, thay thế Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Những trường hợp đã nộp hồ sơ lệ phí trước bạ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành thông báo thì áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Thủ trưởng Cơ quan thuế của địa phương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXL VPHC - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT, Phg, Thy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hổ